

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi và ông Nguyễn Minh Tân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 583/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-DS ngày 12/02/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh ngày 01/9/1996, số CCCD: 030196015xxx.

Địa chỉ: số nhà xxx, phố B, phường H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh ngày 28/4/1996, số CCCD: 030096014xxx.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Ngõ xxx, phố S, tổ dân phố số 1, phường K, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố P, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 11/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện thường xảy ra cãi vã. Do kinh tế khó khăn

nên năm 2021, anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không ở cùng, không hỏi han, quan tâm lẫn nhau. Tháng 9 năm 2024, chị về Việt Nam, anh D vẫn lao động tại Đài Loan, thỉnh thoảng anh D liên lạc với chị chỉ để hỏi thăm con chung. Chị cũng trao đổi với anh D về việc chị làm đơn ly hôn anh D tại Tòa án, anh D đồng ý ly hôn nhưng do hiện đang lao động tại Đài Loan nên anh D không đến Tòa án trình bày quan điểm được. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 13/6/2019, hiện nay chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu U. Chị đề nghị Tòa án giao cháu U cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Trần Văn D là ông Trần Văn Q (bố đẻ của anh D); địa chỉ: số nhà xx, ngách xx, ngõ xxx, đường S, phường K, thành phố Hải Phòng.

Ông Trần Văn Q cung cấp: Chị Trần Thị T trình bày về điều kiện kết hôn giữa chị T và anh D là đúng. Sau khi kết hôn, chị T về sinh sống cùng gia đình ông một thời gian, sau đó vợ chồng xin phép về nhà ngoại ở. Đến năm 2022, anh D và chị T cùng đi lao động tại Đài Loan, tuy nhiên mỗi người làm một công ty nên không sống cùng, không quan tâm nhau. Năm 2024, chị T về nước, tuy nhiên chị T không về sinh sống cùng gia đình ông về nhà mẹ đẻ sống. Chị T có qua nhà ông mấy lần để xin phép chuyển khẩu về nhà ngoại, sau đó chị T không qua lại thăm hỏi bố mẹ chồng, khi nào nhớ cháu thì ông bà qua đón cháu về chơi. Hiện nay, anh D đang lao động tại Đài Loan, thường liên lạc về gia đình qua mạng xã hội. Anh D biết việc Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh, do không thể về Tòa án làm việc được nên anh D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh D đề nghị Tòa án giao các văn bản của Tòa án thông qua ông, ông sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh D biết. Ông Q nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, đã thông báo cho anh D biết, hiện anh D không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh D, chị T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 13/6/2019, hiện nay chị T đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu U. Anh D đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T và anh D không có tài sản chung.

UBND phường K thành phố Hải Phòng và đại diện tổ dân phố số 1 cung cấp: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố P, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 11/01/2018. Sau khi kết hôn, chị T và anh D sinh sống tại địa phương một thời gian, sau đó cùng đi lao động tại nước ngoài. Hiện nay, chị T về nước nhưng không về sinh sống cùng gia đình anh D, anh D vẫn lao động tại Đài Loan. Về mâu thuẫn cụ thể giữa chị T và anh D thì đề nghị Tòa án xác minh thông qua gia đình anh D. Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 13/6/2019, hiện nay cháu U đang sinh sống cùng chị T.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giao cháu U cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Trần Văn D. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 13/6/2019 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn D, sinh ngày 28/4/1996; địa chỉ trước khi xuất cảnh: ngõ 4, phố S, tổ dân phố số 1, phường K, thành phố Hải Phòng, địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Đài Loan. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình anh D không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh D, đã thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D biết. Bị đơn anh D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Nhị Châu, thành phố P, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 11/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị T, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của ông Q (là bố đẻ của anh D) có căn cứ xác định vợ chồng chị T và anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Năm 2022, chị T và anh D cùng đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Hiện nay, chị T đã về nước để nuôi con, anh D vẫn

sinh sống tại Đài Loan. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh D đã được ông Q thông báo về việc chị T xin ly hôn, anh D có quan điểm nhất trí ly hôn chị T. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh D có một con chung là Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 13/6/2019, đang do chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị T đề nghị Tòa án giao cháu U cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thông qua gia đình, anh D có quan điểm anh hiện đang lao động tại Đài Loan không trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giao cháu U cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy anh D không có mặt tại Việt Nam nên không trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; trong khi đó, chị T đã về nước và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U, cháu còn nhỏ nên để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của cháu, cần giao cháu U cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định

phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 13/6/2019 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0008387 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2018 tại UBND phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh